

Lịch ngày làm việc cho năm 2022. (Montenegro)

TIMESLES.COM

Tháng 1

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
52						1	2
01	3	4	5	6	7	8	9
02	10	11	12	13	14	15	16
03	17	18	19	20	21	22	23
04	24	25	26	27	28	29	30
05	31						

Tháng 4

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
13					1	2	3
14	4	5	6	7	8	9	10
15	11	12	13	14	15	16	17
16	18	19	20	21	22	23	24
17	25	26	27	28	29	30	

Tháng 7

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
26					1	2	3
27	4	5	6	7	8	9	10
28	11	12	13	14	15	16	17
29	18	19	20	21	22	23	24
30	25	26	27	28	29	30	31

Tháng 10

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
39						1	2
40	3	4	5	6	7	8	9
41	10	11	12	13	14	15	16
42	17	18	19	20	21	22	23
43	24	25	26	27	28	29	30
44	31						

Tháng 2

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
05		1	2	3	4	5	6
06	7	8	9	10	11	12	13
07	14	15	16	17	18	19	20
08	21	22	23	24	25	26	27
09	28						

Tháng 5

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
17						1	
18	2	3	4	5	6	7	8
19	9	10	11	12	13	14	15
20	16	17	18	19	20	21	22
21	23	24	25	26	27	28	29
22	30	31					

Tháng 8

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
31	1	2	3	4	5	6	7
32	8	9	10	11	12	13	14
33	15	16	17	18	19	20	21
34	22	23	24	25	26	27	28
35	29	30	31				

Tháng 11

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
44		1	2	3	4	5	6
45	7	8	9	10	11	12	13
46	14	15	16	17	18	19	20
47	21	22	23	24	25	26	27
48	28	29	30				

Tháng 3

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
09		1	2	3	4	5	6
10	7	8	9	10	11	12	13
11	14	15	16	17	18	19	20
12	21	22	23	24	25	26	27
13	28	29	30	31			

Tháng 6

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
22		1	2	3	4	5	
23	6	7	8	9	10	11	12
24	13	14	15	16	17	18	19
25	20	21	22	23	24	25	26
26	27	28	29	30			

Tháng 9

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
35				1	2	3	4
36	5	6	7	8	9	10	11
37	12	13	14	15	16	17	18
38	19	20	21	22	23	24	25
39	26	27	28	29	30		

Tháng 12

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
48				1	2	3	4
49	5	6	7	8	9	10	11
50	12	13	14	15	16	17	18
51	19	20	21	22	23	24	25
52	26	27	28	29	30	31	

Giai đoạn	Số ngày			Giờ làm việc mỗi tuần		
	Lịch ngày	Ngày làm việc	Ngày nghỉ	40 giờ tuần	36 giờ tuần	24 giờ tuần
Tháng 1	31	18	13	144	129.6	86.4
Tháng 2	28	20	8	160	144	96
Tháng 3	31	23	8	184	165.6	110.4
Tháng 4	30	17	13	136	122.4	81.6
Tháng 5	31	17	14	136	122.4	81.6
Tháng 6	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 7	31	17	14	136	122.4	81.6
Tháng 8	31	23	8	184	165.6	110.4
Tháng 9	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 10	31	19	12	152	136.8	91.2
Tháng 11	30	21	9	168	151.2	100.8
Tháng 12	31	22	9	176	158.4	105.6
1 phần tư	90	61	29	488	439.2	292.8
2 phần tư	91	56	35	448	403.2	268.8
1 nửa năm	181	117	64	936	842.4	561.6
3 phần tư	92	62	30	496	446.4	297.6
4 phần tư	92	62	30	496	446.4	297.6
2 nửa năm	184	124	60	992	892.8	595.2
1 năm	365	241	124	1928	1735.2	1156.8

1 thg 1, 2022	Ngày đầu năm	25 thg 4, 2022	Thứ Hai Phục sinh Chính thống giáo
2 thg 1, 2022	Ngày lễ đầu năm mới	1 thg 5, 2022	Ngày lao động
3 thg 1, 2022	Kỷ nghỉ Tết Dương lịch được quan sát	2 thg 5, 2022	Ngày lao động
6 thg 1, 2022	Đêm Giáng sinh chính thống	3 thg 5, 2022	Ngày lao động
7 thg 1, 2022	Ngày lễ giáng sinh chính thống	3 thg 5, 2022	Ramdan Bayram
8 thg 1, 2022	Ngày lễ Giáng sinh chính thống	4 thg 5, 2022	Ngày lễ Ramdan Bayram
15 thg 4, 2022	Thứ sáu tốt lành	5 thg 5, 2022	Ngày lễ Ramdan Bayram
18 thg 4, 2022	Thứ Hai Phục Sinh	21 thg 5, 2022	Ngày Quốc Khánh
22 thg 4, 2022	Thứ Sáu Tuần Thánh Chính thống	22 thg 5, 2022	Ngày lễ quốc khánh
24 thg 4, 2022	Chủ nhật Phục sinh Chính thống giáo	23 thg 5, 2022	Ngày lễ quốc khánh được quan sát